

UBND TỈNH HUNG YÊN
THANH TRA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 81 /KL-TTT

Hưng Yên, ngày 20 tháng 11 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3

Thực hiện Quyết định số 173/QĐ-TTT ngày 08/10/2024 của Chánh thanh tra tỉnh Hưng Yên thanh tra việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm, thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3. Thời kỳ thanh tra: Việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm từ năm 2020 đến hết năm 2023; Việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước từ năm 2021 đến hết năm 2023. Từ ngày 09/10/2024 đến ngày 30/10/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/11/2024 của Trưởng Đoàn thanh tra.

Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 có trụ sở tại số 98, đường Nguyễn Văn Linh, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký lần đầu ngày 18/7/2007; Ngày 14/12/2021 Công ty được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 12, mã số doanh nghiệp 0900273641 với ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Sản xuất điện; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Cung ứng và quản lý nguồn lao động ...

Công ty thực hiện hạch toán kế toán theo hình thức: Nhật ký chung; Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12; Hình thức kê khai nộp thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ; Đăng ký, kê khai, nộp thuế tại Cục thuế tỉnh Hưng Yên; Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKDN lần 12: 100.000.000.000 đồng; Mã số thuế: 0900273641.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm

1.1. Báo cáo định kỳ và công tác tuyển dụng, đào tạo lao động

- Việc báo cáo định kỳ: Qua kiểm tra hồ sơ do đơn vị cung cấp cho thấy: Công ty đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng và sử dụng lao động 6 tháng và cả năm; báo cáo định kỳ về công tác an toàn, vệ sinh lao động; báo cáo

về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng năm và báo cáo định kỳ tình hình sử dụng lao động là người nước ngoài 6 tháng và cả năm theo quy định.

- Việc tuyển dụng và đào tạo lao động: Công ty đã xây dựng quy trình tuyển dụng nhân sự..., hình thức và phương thức tuyển dụng trực tiếp, qua các kênh online, thông báo tuyển dụng. Công ty không thu phí tuyển dụng người lao động, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ bản chính văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động. Công ty thử việc người lao động 1- 2 tháng (*đối với lao động có trình độ đại học, cao đẳng*), giao kết bằng hợp đồng thử việc, trong đó quy định mức tiền lương người lao động được hưởng trong thời gian thử việc bằng mức lương của vị trí làm việc chính thức và Công ty đã thực hiện việc lập, cập nhật, quản lý sổ lao động.

1.2. Thực hiện hợp đồng lao động

- Số người không thuộc diện phải ký kết hợp đồng lao động: 01 người (là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp).

Loại hợp đồng đã ký kết	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lao động làm việc tại doanh nghiệp (tính đến 31/12 hàng năm)	1.805	2.266	2.172	2.619
- Số người thuộc diện phải ký kết HĐLĐ	277	353	360	470
- Số người đã ký kết HĐLĐ	277	353	360	470
+ Số HĐLĐ không xác định thời hạn	277	353	360	470
- Hợp đồng khoán/CTV (<i>theo các công trình</i>)	1.656	2.108	2.172	2.619

- Không có lao động bị mất việc làm.

- Số lao động thôi việc: 366 người, không có lao động thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp thôi việc.

1.3. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Việc xây dựng và đăng ký nội quy lao động: Công ty đã xây dựng và ban hành Nội quy lao động từ tháng 3/2020 (*đã được đăng ký với Sở Lao động – TBXH tỉnh Hưng Yên tại Thông báo số 784/TB-SLĐTBXH ngày 30/3/2020*). Đến tháng 01/2024, Công ty sửa đổi và đăng ký Nội quy lao động với Sở Lao động – TBXH tỉnh Hưng Yên (*số 706/TB-SLĐTBXH-LĐVL ngày 5/2/2024*).

- Số vụ xử lý kỷ luật lao động (*phân loại số vụ theo các hình thức*): Không có

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: Không có

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: Không có.

1.4. Đối thoại, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể

- Công ty đã thỏa thuận và ký kết Thỏa ước lao động tập thể từ tháng 12/2019, đã gửi với Sở Lao động – TBXH tỉnh Hưng Yên (*Giấy xác nhận số 132/XN-SLĐTBXH ngày 14/1/2020*), hiệu lực của Thỏa ước là 3 năm kể từ ngày

23/12/2019. Nội dung của Thỏa ước gồm: Việc làm và bảo đảm việc làm; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; an toàn lao động, vệ sinh lao động; tiền lương, tiền thưởng; một số thỏa thuận khác. Thỏa ước đã hết hiệu lực từ 23/12/2022, đến 22/1/2024 doanh nghiệp thỏa thuận và ký kết thỏa thuận ký kết thỏa ước và gửi đến với Sở Lao động – TBXH tỉnh Hưng Yên.

- Công ty đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, đã tổ chức hội nghị người lao động hàng năm...; tổ chức thương lượng tập thể về xây dựng nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể...Tuy nhiên chưa xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở thành phần tham dự đối thoại không đủ số người tham dự tối thiểu và chưa xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở.

1.5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (BHXH, BHYT, BHTN)

Theo báo cáo của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 trong năm 2022, Công ty đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên thanh tra đột xuất chuyên ngành đóng BHXH, BHTN, BHYT thời kỳ từ năm 2019 đến tháng 11/2021. Vì vậy, Đoàn Thanh tra không tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về BHXH, BHYT BHTN năm 2020, 2021. Kết quả thanh tra 2 năm 2022, 2023 như sau:

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023
1. Đối tượng tham gia BHXH:		
- Số lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH	360	470
- Số lao động đã tham gia BHXH	360	470
2. Số tiền tham gia BHXH		
- Tổng số tiền phải đóng (đồng)	612.386.944	787.636.512
- Số tiền đã đóng (đồng)	612.386.944	787.636.512
- Số tiền còn thừa/thiếu	0	0
3. Số lao động được cấp sổ BHXH, thẻ BHYT	360	470

- Việc thực hiện chốt sổ BHXH: thực hiện chốt sổ cho lao động nghỉ việc (lao động đã được tham gia BHXH).

- Việc chi trả đủ số tiền chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho người lao động:

Năm	Nội dung	Số lượt	Số tiền (đồng)	Ghi chú
2020	Ốm đau	12	22.065.925	
	Thai sản	16	109.489.904	
	Dưỡng sức	1	2.235.000	
	Tổng cộng	29	133.790.829	
2021	Ốm đau	7	6.594.175	
	Thai sản	7	64.179.666	
	Tổng cộng	14	70.773.841	

2022	Ốm đau	19	27.445.000	
	Thai sản	6	38.699.000	
	Tổng cộng	25	66.144.000	
2023	Ốm đau	10	10.023.400	
	Thai sản	12	122.605.067	
	Tổng cộng	22	132.628.467	

- Việc quản lý hồ sơ giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức: quản lý theo quy định.

1.6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động, môi trường lao động bình thường: 8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần (*ngủ các ngày chủ nhật*). Buổi sáng làm việc từ 7 giờ 30 đến 11 giờ 30, buổi chiều làm việc từ 13h00 đến 17 giờ 00.

- Thời giờ làm việc hàng ngày, hàng tuần trong điều kiện lao động đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: Không có

- Số giờ làm thêm: không tổ chức cho người lao động làm thêm giờ.

- Việc thực hiện các quy định về nghỉ ngày lễ, tết: người lao động được nghỉ 11 ngày (5 ngày tết nguyên đán, 1 ngày tết dương lịch, 2 ngày quốc khánh, 1 ngày giỗ tổ, 1 ngày 30/4 và 1 ngày 01/5).

- Thực hiện cho người lao động nghỉ việc riêng có hưởng lương và nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định. Công ty bố trí nghỉ hàng năm là 12 ngày/năm (đối với toàn bộ lao động làm việc tại doanh nghiệp) cộng thâm niên.

1.7. Tiền lương và trả công lao động

Đơn vị tính: đồng

TT	Diễn giải	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Mức lương tối thiểu DN đang áp dụng	3.920.000	3.920.000	4.160.000	4.160.000
2	Mức thu nhập thấp nhất	5.500.000	5.500.000	6.000.000	6.000.000
-	Mức thu nhập cao nhất	32.824.016	31.464.592	39.962.457	48.010.057
-	Mức thu nhập bình quân	8.500.000	9.000.000	10.000.000	10.500.000
3	Mức ăn ca/suất	15.000	15.000	17.000	17.000

- Phương thức trả lương: trả tiền mặt và trả qua tài khoản.

- Các hình thức trả lương đang áp dụng: doanh nghiệp áp dụng cả hai hình thức trả lương: bộ phận văn phòng trả lương theo thời gian; đối với các bộ phận tại các công trình xây dựng trả lương khoán theo ngày.

- Việc xây dựng thang lương, bảng lương: có xây dựng thang lương, bảng lương; không thuộc đối tượng xây dựng định mức lao động.

- Tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm: Không phát sinh.
- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động: người lao động chưa nghỉ hết ngày nghỉ hàng năm được thanh toán lương những ngày chưa nghỉ vào tháng 1 năm sau.
- Tiền lương ngừng việc, trả lương trong các trường hợp thiếu việc làm: Không
- Việc phạt tiền, trừ lương người lao động: Không

1.8. Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động

1.8.1. Quy định về các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động

- Công ty đã xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động, nội quy, quy trình bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, thành lập Ban an toàn vệ sinh lao động. Đã thực hiện việc phân loại lao động theo danh mục công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; đã thực hiện việc phân loại số lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động; Đã xây dựng kế hoạch xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp, được phê duyệt tháng 9/2023.

- Việc kiểm tra, bảo dưỡng máy, thiết bị: Tháng kiểm tra 1 lần.
- Việc trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc: Trang bị thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2023: Không có.
- Không xảy ra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng tại doanh nghiệp.
- Việc trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế để đảm bảo ứng cứu, sơ cứu kịp thời khi xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động: trang bị tủ thuốc y tế tại các công trình xây dựng.
- Đã bố trí buồng tắm, buồng vệ sinh phù hợp tại nơi làm việc.

Tuy nhiên, kế hoạch an toàn vệ sinh lao động không đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động; chưa thành lập bộ phận y tế và chưa bố trí lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc.

1.8.2. Quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân trong thời gian làm việc.
- Doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đã lập sổ quản lý sức khỏe.
- Đã thực hiện việc thông tin về tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, các yếu tố nguy hiểm, có hại và các biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc cho người lao động.

- Việc nhận diện, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc như: Xây dựng quy trình kiểm soát các chất độc hại đối với sức khỏe, được phê duyệt ngày 19/9/2013; xây dựng quy trình quản lý chất thải; xây dựng quy

trình nhận diện khía cạnh môi trường và đánh giá khía cạnh môi trường; xây dựng quy trình làm việc trong không gian hạn chế; lập bảng đánh giá rủi ro cho công trình xây dựng; quy trình công tác an toàn công tác hàn, cắt, mài; phương pháp sơ, cấp cứu tại chỗ.

- Đã xây dựng quy trình nhận diện, đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động trong xây dựng, được phê duyệt tháng 9/2023.

- Chưa có sự cố khẩn cấp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc vượt ra khỏi khả năng kiểm soát của người sử dụng lao động.

- Thực hiện trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, gồm: giày bảo hộ lao động kỹ thuật, giày kỹ sư, mũ kỹ thuật COV, mũ an toàn đỏ, mũ vàng công nhân, áo phản quang, giày nhựa vàng, ủng cao su, áo cam lưới, cờ đuôi nheo, áo gile kỹ thuật, dây vải phản quang cảnh báo.

1.8.3. Quy định về sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng

TT	Tên máy, thiết bị, vật tư	Mã hiệu	Số chế tạo	Năm SX	Ngày tháng năm kiểm định	Ngày tháng năm KD tiếp theo	Ghi chú
1	Cần trục tháp	Dahan 7032	0302	2016	19/10/23	19/10/24	KD bất thường
2	Cần trục tháp	10CJ140-8T	CJ100022	2010	06/4/24	6/10/24	KD bất thường
3	Cần trục tháp	QTZ6012	DH20170327	2017	01/11/23	1/11/24	KD bất thường
4	Cần trục tháp	10CJ140-8 ^a	CJ100022	2010	8/4/2024	6/10/24	Không sử dụng
5	Cần trục tháp	10CJ140-8B	CJ100013	2010	08/6/24	8/12/24	KD bất thường
6	Cần trục tháp	QTZ100		2015	23/12/21	23/12/22	Không sử dụng

- Công ty đã thực hiện việc khai báo sử dụng thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động với Sở Lao động – TBXH tỉnh Hưng Yên; thực hiện các biện pháp an toàn khi sử dụng điện; máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (nội quy về an toàn điện, phòng cháy chữa cháy).

- Thực hiện việc lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm; hệ thống biển báo an toàn lao động; quy trình an toàn giàn giáo, làm việc trên cao; quy trình an toàn

điện; quy trình an toàn cần cầu và nâng hạ; quy trình công tác hàn, cắt và mài; đánh giá mỗi nguy rủi ro an toàn sức khỏe khối công trình.

1.8.4. Việc tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

- Tự huấn luyện: định kỳ hàng năm, Công ty tổ chức tự huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho người lao động làm việc tại công ty. Người huấn luyện là ông Trương Công Thắng, đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành khóa huấn luyện, người huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động do Công ty TNHH huấn luyện và dịch vụ kỹ thuật an toàn TPHCM cấp ngày 31/3/2021.

- Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ tổ chức huấn luyện: Năm 2022, doanh nghiệp cử 05 người (03 người nhóm 1 và 02 người nhóm 2) tham dự khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động do Công ty TNHH huấn luyện và dịch vụ kỹ thuật an toàn TPHCM tổ chức.

- Số lao động được huấn luyện, doanh nghiệp lưu giữ hồ sơ đầy đủ.

1.8.5. Quan trắc môi trường lao động

Công ty chưa thực hiện quan trắc môi trường lao động.

1.9. Lao động đặc thù

- Các quy định riêng đối với lao động nữ: Tổng số lao động nữ: 69 người. Công ty đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm: Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, thời giờ làm việc 7 giờ/ngày; trả lương cho lao động nữ trong giờ nghỉ làm vệ sinh kinh nguyệt và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi được trả lương theo hợp đồng lao động; không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp; đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ; thực hiện đầy đủ các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Đối với lao động là người lao động cao tuổi: Tổng số người lao động cao tuổi: 05 người (lao động hưu trí); việc thực hiện chế độ đối với người lao động cao tuổi: thời giờ làm việc 7 giờ/ngày, trả lương theo hợp đồng lao động đã ký kết, bao gồm tiền bảo hiểm xã hội trả vào lương cho người lao động.

- Đối với lao động là người chưa thành niên: Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

- Đối với lao động là người nước ngoài: Doanh nghiệp sử dụng 01 lao động là người nước ngoài (quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)). Số lao động là người nước ngoài thuộc đối tượng phải có giấy phép lao động: 01 người, đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp giấy phép lao động (cấp mới) số 001587/2023/SLĐ-GP ngày 9/5/2023; chức danh công việc: Giám đốc kinh doanh; thời hạn làm việc từ 20/5/2023 đến 19/4/2025. Tại thời điểm lao động này đã nghỉ việc, đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thu hồi giấy phép lao động (số 667/LĐTBXH-LĐVL ngày 31/1/2024).

2. Việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

2.1. Về tiền thuê đất

- Ngày 12/7/2012, Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ ngày với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên (*thay thế Hợp đồng thuê đất số 27/HĐ-TĐ ngày 05/3/2010*) với diện tích 2.309 m², thời hạn thuê đất tính từ ngày 14/3/2002 đến ngày 14/3/2052; phương thức nộp tiền thuê đất: trả tiền hàng năm; Ngày 07/5/2014, Công ty ký Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 50/PL với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên điều chỉnh diện tích một số nội dung của Hợp đồng thuê đất số 72/HĐ-TĐ với diện tích đất thuê 2.410m²; Ngày 07/3/2019, Cục thuế tỉnh Hưng Yên ban hành Thông báo số 864/TB-CT về đơn giá thuê đất, thuê mặt đất với đơn giá thuê đất là 28.800 đồng/m²/năm có thời gian ổn định 5 năm kể từ ngày 15/3/2017 đến ngày 14/3/2022. Ngày 02/3/2022, Cục thuế tỉnh Hưng Yên ban hành Thông báo số 911/TB-CT về đơn giá thuê đất, thuê mặt đất với đơn giá thuê đất là 49.000 đồng/m²/năm có thời gian ổn định 5 năm kể từ ngày 15/3/2022 đến ngày 14/3/2027. Như vậy, Tổng số tiền công ty phải nộp tiền thuê đất 3 năm (2021 – 2023) là 297.474.333 đồng (*cụ thể: Năm 2021: 69.408.000 đồng; Năm 2022: 109.976.333 đồng; Năm 2023: 118.090.000 đồng*). Qua kiểm tra trong 3 năm công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Việc thực hiện pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Công ty đã kê khai, nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định. Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 3 năm (2021–2023) phải nộp là 4.916.400 đồng (*Năm 2021: 1.446.000 đồng; Năm 2022: 1.735.200 đồng; Năm 2023: 1.735.200 đồng*). Qua kiểm tra trong 3 năm công ty đã nộp đủ số tiền trên vào ngân sách nhà nước.

2.3. Việc chấp hành pháp luật về lệ phí môn bài

Hàng năm đơn vị đã nộp đủ lệ phí môn bài theo quy định Thông tư 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính. Tổng số tiền lệ phí môn bài đã nộp trong năm là 9.000.000 đồng (*năm 2021: 3.000.000 đồng; năm 2022: 3.000.000 đồng; năm 2023: 3.000.000 đồng*).

2.4. Việc chấp hành pháp luật về thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Theo Báo cáo của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3, Công ty đã được Cục thuế tỉnh Hưng Yên kiểm tra trước hoàn thuế GTGT thời kỳ tháng 8/2018 đến hết tháng 01/2022 được thể hiện tại Quyết định số 1372/QĐ-CTHYE ngày 25/3/2022 về việc kiểm tra trước hoàn thuế GTGT và Biên bản kiểm tra trước hoàn thuế GTGT ngày 19/4/2022. Vì vậy, Đoàn Thanh tra tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về thuế GTGT từ tháng 2/2022 đến hết năm 2023. Kết quả như sau: Đơn vị chấp hành tương đối tốt Luật thuế GTGT, việc kê khai thuế GTGT hàng tháng được đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo theo đúng quy định, từ tháng 2/2022 đến hết năm 2023 tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn 76.961.518.307 đồng; số thuế GTGT năm 2023 còn được khấu trừ chuyển kỳ sau 20.294.090.568

đồng. Qua thanh tra từ tháng 2/2022 đến hết năm 2023 chưa phát hiện các tồn tại, sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế GTGT tại đơn vị.

1.5. Việc thực hiện pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu do đơn vị cung cấp cho thấy: Hàng năm Công ty chấp hành Luật thuế TNDN tương đối tốt như nộp tờ khai quyết toán thuế và báo cáo tài chính cho cơ quan thuế đầy đủ theo quy định. Theo báo cáo của đơn vị tổng số thuế TNDN phải nộp trong 3 năm (2021-2023) là 11.393.055.611 đồng (năm 2021: 3.321.482.350 đồng; năm 2022: 3.548.401.968 đồng; năm 2023: 4.523.171.293 đồng). Qua thanh tra tính tăng số TNDN phải nộp trong 3 năm (2021 - 2023) là 511.660.343 đồng (năm 2021: 15.158.000 đồng; năm 2022: 14.180.800 đồng; năm 2023: 482.321.543 đồng) nguyên nhân do đơn vị mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người là không đúng quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính và một số khoản nợ phải trả công ty không xác định được chủ nợ do các doanh nghiệp đã ngừng hoạt động theo khoản 11 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ tại được ghi nhận là khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

1.6. Việc chấp hành pháp luật về Thuế thu nhập cá nhân (TNCN)

Căn cứ báo cáo của đơn vị và hồ sơ, tài liệu cung cấp cho Đoàn thanh tra cho thấy trong 3 năm (2021 - 2023) đơn vị kê khai, quyết toán thuế TNCN hàng năm với cơ quan thuế theo quy định. Qua thanh tra chưa phát hiện sai phạm trong việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN.

III. KẾT LUẬN

1. Việc thực hiện pháp luật về lao động

- Về báo cáo định kỳ: Công ty đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình tuyển dụng, sử dụng lao động, công tác an toàn, vệ sinh lao động, tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tình hình sử dụng lao động là người nước ngoài theo quy định.

- Việc tuyển dụng và đào tạo lao động: Công ty đã xây dựng quy trình tuyển dụng nhân sự..., hình thức và phương thức tuyển dụng, hợp đồng thử việc và lập, cập nhật, quản lý sổ lao động theo quy định.

- Về hợp đồng lao động: Công ty đã ký và quy định đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng như công việc và địa điểm, thời hạn hợp đồng, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động, nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động, điều khoản thi hành.

- Về kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất: Công ty đã xây dựng Nội quy lao động và trong kỳ số vụ xử lý kỷ luật lao động không phát sinh và không có trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất.

- Đối thoại, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể: Công ty đã xây dựng thỏa thuận và ký kết Thỏa ước lao động tập thể. Công ty đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, đã tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm...; tổ chức thương lượng tập thể về xây dựng nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể...Tuy nhiên thành phần tham dự đối thoại không đủ số người tham dự tối thiểu và chưa xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Về thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc: Công ty đã thực hiện pháp luật về đóng BHXH cho các đối tượng tham gia bắt buộc. Việc thực hiện công tác đề nghị cấp, quản lý sổ BHXH được công ty thực hiện chốt sổ BHXH theo quy định; việc thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức công ty đã chủ động lập hồ sơ, phối hợp với cơ quan Bảo hiểm Xã hội để thẩm định giải quyết đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho người lao động.

- Về thời gian làm việc, nghỉ ngơi: công ty đã thực hiện theo đúng quy định tại Nội quy lao động của công ty.

- Tiền lương và trả công lao động: Công ty áp dụng cả hai hình thức trả lương: bộ phận văn phòng trả lương theo thời gian; đối với các bộ phận tại các công trình xây dựng trả lương khoán theo ngày. Việc chi trả lương được công ty thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Về an toàn lao động, vệ sinh lao động: Công ty đã thực hiện tương đối tốt về an toàn lao động, vệ sinh lao động. Tuy nhiên vẫn còn chưa thống kê lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Quy định chung về an toàn lao động, vệ sinh lao động: Qua thanh tra cho thấy Công ty thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên việc xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động không đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 76 Luật an toàn vệ sinh lao động; chưa thành lập bộ phận y tế và chưa bố trí lực lượng sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc và chưa thực hiện quan trắc môi trường lao động.

- Về lao động đặc thù: đối với lao động nữ, lao động là người cao tuổi, lao động là người nước ngoài công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

2. Việc chấp hành pháp luật về thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

- Việc chấp hành pháp luật về tiền thuế đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và lệ phí môn bài: Đơn vị đã nộp đủ số tiền thuế đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và lệ phí môn bài vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Việc thực hiện pháp luật về thuế GTGT: Qua thanh tra việc thực hiện luật thuế GTGT từ tháng 2/2022 đến hết năm 2023 nhận thấy: đơn vị chấp hành tương đối tốt Luật thuế GTGT, việc kê khai thuế GTGT hàng tháng được đơn vị thực hiện đảm bảo theo quy định.

- Việc thực hiện pháp luật về thuế TNDN: Qua thanh tra tính tăng số TNDN phải nộp trong 3 năm (2021 - 2023) là 511.660.343 đồng (*năm 2021: 15.158.000*

đồng; năm 2022: 14.180.800 đồng; năm 2023: 482.321.543 đồng) nguyên nhân do đơn vị mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người và một số khoản nợ phải trả công ty không xác định được chủ nợ do các doanh nghiệp đã ngừng hoạt động theo quy định khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ tại được ghi nhận là khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.

- Việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN: Qua thanh tra thuế TNCN tại đơn vị chưa phát hiện tồn tại trong việc chấp hành pháp luật về thuế TNCN.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Ngày 30/10/2024, Đoàn thanh tra đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động đối với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3. Ngày 07/11/2024, Chánh Thanh tra Sở Lao động – TBXH tỉnh Hưng Yên đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-XPHC về việc xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực lao động đối với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 với tổng số tiền xử phạt: 52.000.000 đồng.

V. KIẾN NGHỊ

Căn cứ kết quả thanh tra nêu trên, Thanh tra tỉnh kiến nghị:

1. Đề nghị Cục Thuế tỉnh

Căn cứ quy định của pháp luật, xem xét xử lý vi phạm việc thực hiện pháp luật về thuế tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 phát hiện qua thanh tra.

2. Đối với Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3

- Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 phát huy các ưu điểm, khắc phục và rút kinh nghiệm các tồn tại trong việc thực hiện pháp luật về lao động, thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước tại Công ty mà kết quả thanh tra đã nêu ở trên.

- Thực hiện nghiêm việc xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định tại Điều 48 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; bố trí người làm công tác y tế theo quy định tại Điều 73 Luật An toàn, vệ sinh lao động, khoản 2 Điều 37 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; bố trí đủ lực lượng sơ cấp cứu tại đơn vị theo quy định tại Thông tư 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế; thực hiện quan trắc môi trường lao động quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật An toàn vệ sinh lao động; khoản 2 Điều 7 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; tổ chức đối thoại định kỳ theo quy định tại Điều 38 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 24/12/2020 của Chính Phủ và xây dựng kế hoạch an toàn vệ sinh lao động đầy đủ thành phần theo quy định tại Khoản 3 Điều 76 Luật an toàn vệ sinh lao động.

- Thực hiện nghiêm túc việc kê khai, quyết toán thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế, Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành và nộp thuế

TNDN phát hiện qua thanh tra so với số báo cáo quyết toán của đơn vị theo quyết định của Chánh Thanh tra tỉnh.

3. Xử lý về kinh tế

- Quyết định thu hồi số tiền 511.660.343 đồng qua thanh tra phát hiện số tiền thuế TNDN phải nộp tăng so với số kê khai, quyết toán thuế của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Hưng Yên (số tài khoản 3949.0.1060137 tại Kho bạc Nhà nước Hưng Yên) để xử lý nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

VI. CÔNG KHAI KẾT LUẬN THANH TRA

Thanh tra tỉnh có trách nhiệm tổ chức công khai kết luận thanh tra theo quy định Điều 48, Điều 49 Nghị định số 43/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 tổ chức thực hiện các nội dung kiến nghị, kết luận thanh tra nêu trên và có văn bản báo cáo kết quả thực hiện gửi về Thanh tra tỉnh trước ngày 15/01/2025 để Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định./.

Nơi nhận: *WV*

- TTCP (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo TTT;
- Sở Sở LĐ - TB&XH, Cục Thuế tỉnh Hưng Yên (để phối hợp);
- Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18.3 (để t/h);
- Phòng GS,KT & XLSTT;
- Trang thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu VT, HS.

CHÁNH THANH TRA



Đào Văn Sơn